

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2018/HSPT

Ngày 23 – 4 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Dân.

- *Các thẩm phán:* 1. Ông Nguyễn Văn Chung.

2. Bà Lưu Thị Thu Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 86/2018/TLPT-HS ngày 14/3/2018 đối với bị cáo Nguyễn Thái D, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HS - ST, ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN THÁI D, sinh năm: 1993, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn X, xã N, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Nguyễn Thái H và bà Hoàng Thị L; có vợ là Trần Thị Mỹ T (P) và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2015 đến ngày 31/7/2015. Hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Duy C, sinh năm: 1995

Trú tại: Thôn Y, xã S, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Lê Văn M, sinh năm 1991

Trú tại: Tổ dân phố K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 24/4/2014, anh Nguyễn Duy C cùng anh trai của Nguyễn Thái D đi Bình Dương bằng xe mô tô của anh Nguyễn Duy C, do vi phạm Luật giao thông đường bộ nên bị Công an tạm giữ xe. Anh C đưa giấy tờ nhờ D lấy xe, D hứa lấy xe cho anh C nhưng không lấy, do đó giữa D và C nảy sinh mâu thuẫn. Khoảng 15h00' ngày 11/5/2014, D gọi điện thoại cho C nói lên Tp. B để đánh nhau thì C đồng ý. Khoảng 18h00' ngày 11/5/2014 anh C nhờ anh rể là Huỳnh Bá H1 chở đến đường G đoạn Siêu thị M thuộc phường TA, thành phố B hẹn gặp D tại đây. Sau đó, D liên lạc nói anh C đến gần ngã ba đường P và đường H, phường TA, thành phố B để gặp D. Cùng lúc này, D gọi điện di động cho Lê Văn M nhờ M tìm đánh anh C cho D, M hỏi: “Sao mà đánh nó?” thì D nói: “thằng C chửi tao, hay chọc phá con T1 (bạn gái D)”. Do M cũng đã tức giận với anh C từ trước vì trước đó khi Chí lên ở cùng phòng trọ với M đã làm cho M bị những người ở cùng nhà trọ la mắng, nên M đồng ý đi đánh anh C cho D. M hỏi: “Nó đang ở đâu?” thì D nói đợi xíu gọi lại. Khoảng vài phút sau D gọi điện thoại cho M nói anh C đang ở Bến xe khách tỉnh Đắk Lắk. M điều khiển xe máy hiệu CD, màu đen, biển số 51-7xxC một mình đi đến Bến xe khách tỉnh Đắk Lắk tìm anh C. Trước khi ra khỏi dãy trọ M thấy 01 con dao Thái Lan cán bằng nhựa, lưỡi bằng sắt, dài khoảng 20cm để trên bàn một bên đường luồng dãy trọ, nên lấy con dao bỏ vào trong người. Khoảng 20h45' cùng ngày, trong lúc anh C đang chờ D tại đường P gần ngã ba đường H và đường P thuộc phường TA, thành phố B thì M đi từ Bến xe khách tỉnh Đắk Lắk đến đường P. M nhìn thấy anh C đang ngồi bên lề đường P bên phía tay trái theo hướng xe M lưu thông, nên dừng xe giữa đường rồi đi đến chỗ anh C. M hỏi: “Mày đến lâu chưa?”, khi anh C quay lại nhìn đối diện với M thì M lấy con dao Thái Lan để sẵn trong người đâm 01 nhát trúng bụng của anh C gây thương tích. Sau đó M đi về dãy trọ, còn anh C sau đó được đưa đến Bệnh viện đa khoa TH cấp cứu. Sau khi gây thương tích cho anh C, M đã ném con dao thái Lan đi mất, không xác định được vị trí, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy nên không thu giữ được.

Sau khi gây thương tích thì Nguyễn Thái D đã bỏ trốn tại địa phương sau đó bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột truy nã. Đến ngày 04/4/2015 thì bị bắt giữ.

Tại bản Kết luận pháp y thương tích số: 642/PY-TgT ngày 25/6/2014 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Anh Nguyễn Duy C bị vết thương thấu bụng, tỉ lệ thương tích 21%.

Đối với hành vi của Lê Văn M đã bị xét xử tại bản án số 70/2015/HSST ngày 10/02/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã buộc Lê Văn M phải bồi thường cho anh Nguyễn Duy C số tiền 25.000.000 đồng

Ngày 14/4/2015 gia đình Nguyễn Thái D đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình anh Nguyễn Duy C số tiền 13.000.000 đồng

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HSST, ngày 08/02/2018 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thái D (T) phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Nguyễn Thái D (T): 02 (hai) năm tù giam.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù: Tính từ ngày bắt thi hành án (khẩu trừ ngày tạm giam từ ngày 04/4/2015 đến ngày 31/7/2015).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự.

Ngày 13/02/2018, bị cáo Nguyễn Thái D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra; các tình tiết giảm nhẹ đã được cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ, tại cấp phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, do đó đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa bị cáo cho rằng bị cáo chỉ nhờ M đánh C chứ không đưa dao để M đâm gây thương tích cho anh C, đề nghị HĐXX giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác nên ngày 11/5/2014, Nguyễn Thái D đã gây gỗ và hèn đánh nhau với anh Nguyễn Duy C, sau đó D đã điện thoại cho Lê Văn M chỉ chỗ anh C đứng và nhờ M đi đánh anh C. Hậu quả là Lê Văn M đã dùng dao Thái Lan đâm anh C gây thương tích với tỷ lệ 21%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội Cố ý gây thương tích với tình tiết định khung là “dùng hung khí nguy hiểm” theo điểm đ, khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và tranh luận của bị cáo tại phiên tòa HĐXX thấy rằng: Mức hình phạt 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, hành vi, hậu quả mà bị cáo gây ra. Mặc dù bị cáo không phải là người trực tiếp gây ra thương tích, bị cáo không đưa dao để M đâm gây thương tích cho anh Nguyễn Duy C, nhưng bị cáo lại là người khởi xướng, rủ rê Lê Văn M và chỉ chỗ của anh C cho M và nhờ M thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hậu quả mà M gây ra đến đâu thì bị cáo phải chịu đến đó. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thái D.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HS - ST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thái D (T): 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã tạm giam trước từ ngày 04/4/2015 đến ngày 31/7/2015.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thái D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao.
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS tp. B;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Văn Công Dân

